



ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG Ở PHÁP: TRƯỜNG HỢP NHÓM NGÀNH VĂN CHƯƠNG VÀ KHOA HỌC NHÂN VĂN

Nguyễn Quốc Thắng

Trường Đại học Văn Lang, Thành phố Hồ Chí Minh

Tóm tắt: Từ việc phân tích nguồn gốc và cơ sở của tri thức căn bản của chương trình đào tạo trong một số trường đại học ở Pháp, nghiên cứu này trình bày các đặc điểm của đào tạo đại học định hướng ứng dụng nhóm ngành văn chương và khoa học nhân văn. Tình liên ngành và các ý tưởng xây dựng chương trình cũng như những đòi hỏi của giảng viên trong giảng dạy theo định hướng ứng dụng được chúng tôi làm rõ qua quá trình khảo sát thực tế của một số chương trình đào tạo và chính sách giáo dục ở Pháp. Tạo ra các mối liên kết hữu ích giữa nghiên cứu, đào tạo và thực hành là yêu cầu cấp thiết cho các trường đại học theo định hướng ứng dụng, nhất là đối với các ngành văn chương và khoa học nhân văn trong bối cảnh hiện nay.

Từ khóa: đại học ứng dụng, nhóm ngành văn chương và khoa học nhân văn, tri thức căn bản, liên ngành, proacademic.

1. Đặt vấn đề

Đào tạo theo định hướng ứng dụng được giáo dục đại học ở Pháp quan tâm từ rất sớm. Đề thực hiện chiến lược này, ngay sau chiến tranh thế giới thứ 2 (1939 - 1945), giáo dục Pháp xây dựng và đào tạo các loại hình Tú tài nghề (le baccalauréat professionnel) và sau đó là các ngành học Cử nhân nghề (la licence professionnelle). Như đã trở thành truyền thống, trong bất cứ hoạt động đào tạo nào, giới chuyên môn đại học đều lấy khung 5S: kiến thức, năng lực hiểu và giải thích, kỹ năng linh hoạt kiến thức, nhận thức và thái độ-tâm thế (savoirs, savoir comprendre/faire, savoir apprendre, savoir s'engager, và savoir être) làm tiêu chí xây dựng chương trình. Tiêu chí này là điều kiện thuận lợi cho việc cân bằng giữa chiến lược trang bị kiến thức, kỹ năng thông qua ứng dụng.

Tính vấn đề của nghiên cứu này được xem xét ở ba khía cạnh:

- Định hướng ứng dụng và định hướng nghiên cứu: ranh giới và giao điểm.
- Định hướng ứng dụng và khoa học nhân văn, kỹ năng ngoại ngữ: ứng dụng và thực hành tri thức lý thuyết.
- Định hướng ứng dụng và tiêu chuẩn giảng viên: proacademic.

Cả ba khía cạnh được phân tích dựa trên nền tảng lịch sử phát triển của định hướng xây dựng chương trình đại học ứng dụng ở Pháp và các kết quả nghiên cứu về nhóm ngành văn chương và khoa học nhân văn. Nghiên cứu của chúng tôi dựa trên tư

liệu chương trình ứng dụng của Đại học Burgundy, Đại học Toulouse 2 và Đại học Montpellier 3 – là ba trường đại học tiêu biểu trong đào tạo các ngành khoa học xã hội và nhân văn theo định hướng ứng dụng.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Chương trình đào tạo ứng dụng: nguồn gốc và cơ sở của tri thức căn bản

Xây dựng nền tảng tri thức và cách tổ chức chức năng các nguyên lý ngoài chuyên ngành (trong cùng một chiều kích nghề nghiệp) được xem là cơ sở cho việc đào tạo kỹ năng cho sinh viên. Các kiểu tri thức đó bao gồm các tri thức có tính tuyên ngôn, các tri thức quá trình hoặc bán quá trình và các tri thức mang tính điều kiện. Gauthier (1997) cho rằng, « tri thức căn bản là tập hợp các tri thức, kỹ năng, khả năng và thái độ mà người dạy cần trang bị để chuẩn bị cho quá trình dạy học của mình ». Đề tạo dựng các tri thức này, người dạy buộc phải tổng hợp bằng các công cụ phân tích và các công trình nghiên cứu tin cậy trong lịch sử để rút ra các kết quả định hướng cho việc thực hành. Từ những năm 60, các nhóm nghiên cứu ở Pháp được thành lập để phát triển cách thức trang bị tri thức theo hướng ứng dụng cho giảng viên. Được chủ trì bởi Gage và American Educational Research Association và tái lập bởi Shulman (1987), Groupe Holmes (1986, 1990, 1995 ; cf. Lessard, 2002), định hướng này đã tạo ra các kiểu hình tri thức ứng dụng cho các trường đại học ở Pháp. Xu hướng này tiếp tục được các giảng viên hưởng ứng tích cực và đưa ra các kết quả thống qua

quá trình trực tiếp tham gia đào tạo ở các tình huống thực tế (chứ không phải từ các tình huống giả định hoặc các tri thức được tổng hợp). Kết luận mà họ đưa ra là ta chỉ tạo dựng được các tri thức giảng dạy mang tính ứng dụng hiệu quả dựa trên quá trình dạy học và lý thuyết khoa học đang sử dụng vào thực tế giảng dạy và thực tế thực hành nghề nghiệp. Bởi, dạy học theo định hướng ứng dụng được xem như là một quá trình thực hành và trải nghiệm giáo dục, chứ không đơn thuần là ứng dụng ít nhiều trực tiếp vào tình huống lớp học. Chính nền tảng tri thức trong dạy học tham gia vào xu hướng tạo dựng nghề nghiệp. Một ngành nghề không có tri thức đặc thù được ứng dụng vào thực hành cũng như một ngành nghề mà ở đó các lĩnh vực, kỹ năng, ưu điểm và kinh nghiệm được xem là đủ sẽ không tồn tại trong trường đại học, nơi hình thành các nghề nghiệp luôn dựa trên tri thức và kỹ năng thực hành đi ra ngoài phạm vi chuyên ngành. Các bước thực hiện này rất dễ thấy trong các chương trình có sự hòa trộn các tri thức công nghệ thông tin hoặc đa phương tiện. Chẳng hạn các giáo trình sinh viên ngành quản trị được tái cấu trúc các tri thức vận hành với các quá trình học tập (xác định đối tượng, kế hoạch hóa, tổ chức, thực hiện, kiểm tra, ...) hoặc ở chiều kích vai trò của người quản lý (chẳng hạn, sự lãnh đạo, nắm quyết định, giám sát). Nói chung, ở đây, tri thức không được xem là các tri thức đơn thuần như các giáo trình mô phỏng các cách thức tổ chức hoặc xã hội học về các tổ chức mà người học sẽ quản lý. Tri thức căn bản phục vụ cho cả tiến trình đào tạo, như là công cụ để định giá khả năng bao quát cả trường tri thức (champ de connaissances). Trường tri thức được tổ chức khác với cách tổ chức chuyên ngành truyền thống. Nó thường xuyên đổi mới bằng cách tổ chức tri thức bằng các đề tài, chủ đề, vấn đề thông qua khảo sát các thực tế liên ngành, đa ngành và xuyên ngành. Đối với chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng, người thiết kế không chỉ hình thành các kỹ năng và tri thức từ bản thân chuyên ngành đó mà còn đi tìm những tri thức thông qua việc kết hợp với các chuyên ngành khác cũng như các tiêu chí của hoạt động nghề nghiệp về sau. Điều đó lý giải vì sao chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng luôn mang trong mình tính mở. Với trường hợp nhóm ngành văn chương và khoa học nhân văn, việc xác định nguồn gốc và cơ sở của tri thức căn bản theo định hướng ứng dụng bao gồm: theo chiều ngang: tích hợp liên ngành với các ngành trong nhóm ngành để xây dựng các tri thức ứng dụng căn bản; theo chiều dọc: bậc thang từ việc trang bị tri thức, kỹ năng đến việc ứng dụng trong thực hành nghề nghiệp. Kiến thức khoa học ngôn ngữ là nền tảng cho việc xây dựng các đề mục theo định hướng ứng dụng của nhóm ngành.

2.2. Đặc điểm của chương trình đào tạo nhóm ngành văn chương và khoa học nhân văn ở Pháp theo định hướng ứng dụng

2.2.1. Văn học ứng dụng

Theo khảo sát của chúng tôi, hiện có 30 trường đại học ở Pháp có chương trình đào tạo ngành văn học. Hơn 20 trường gọi tên ngành là Văn học ứng dụng (Lettres appliquées). Một số trường khác hoặc đặt tên ngành theo hướng tích hợp ứng dụng (như trường hợp của Đại học Toulon, Đại học Paris 7) hoặc đặt tên theo truyền thống. Chương trình đào tạo của tất cả các trường đại học đều phát triển theo hướng ứng dụng. Có thể chia các hướng ứng dụng thành 3 nhóm chính:

Nhóm tập trung ứng dụng văn học cho các kỹ năng và hoạt động ngôn ngữ trong thực hành nghề nghiệp (như trường hợp Đại học Montpellier 3, Đại học Paris 7, Đại học Toulon). Nhóm này đặc biệt lưu ý đến đào tạo ngoại ngữ cho sinh viên, nhất là việc học và đọc tác phẩm bằng tiếng nước ngoài. Hướng đào tạo này có thể ứng dụng cho các nghề nghiệp mang chiều kích quốc tế (trường hợp chương trình quốc tế đào tạo bằng tiếng Anh ngành Văn học ứng dụng của Đại học Paris-Est Marne-la-Vallée).

Nhóm tập trung vào việc ứng dụng các tri thức và kỹ năng thông qua đào tạo cho nghiệp vụ xuất bản, biên tập (Như trường hợp Đại học Toulouse 2, Đại học Lyon). Nhóm này đặc biệt lưu ý đến việc vận dụng tri thức, kỹ năng đào tạo chuyên ngành văn học hướng đến hình thành những chủ thể sáng tạo và lưu giữ văn hóa đọc – là nội dung mà chính phủ Pháp tập trung đầu tư các dự án cho các bảo tàng sách.

Nhóm tập trung vào việc ứng dụng tri thức và kỹ năng thông qua đào tạo cho nghiệp vụ báo chí, kỹ năng viết, truyền thông đa phương tiện (Như trường hợp Đại học Burgundy, Đại học Đại học Nîmes). Từ những năm 2010, nhóm này đóng vai trò đào tạo nhân lực cho ngành báo chí ở Pháp và Châu Âu. Đặt tri thức văn chương trong các viễn cảnh của thế giới thông tin đương đại là nhiệm vụ trọng tâm trong chương trình đào tạo văn học ứng dụng của các trường thuộc nhóm này.

Một số trường đại học khác mở sang hướng đào tạo cho sinh viên ngành văn học vận dụng kỹ năng sáng tạo cho các lĩnh vực nghề nghiệp như: hành chính, văn phòng, bảo tàng. Theo truyền thống, hướng đào tạo giáo viên giảng dạy văn học được giao cho các Trường cao cấp đào tạo giáo viên (Écoles supérieures du professorat et de l'éducation - ESPE).

Điểm chung của các nhóm này là luôn đặt tri thức văn chương, lịch sử, kinh nghiệm và xu thế xã hội trong xây dựng các môn học. Không có môn học thuần túy về kiến thức văn chương trong các chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng. Chương trình luôn hướng đến việc mở rộng tri thức liên ngành dựa trên tri thức chuyên ngành. Chính vì thế, chương trình văn học ứng dụng thường tuyển lựa những học sinh tốt nghiệp Tú tài ban Văn chương, là

những người từng được đào tạo bài bản về lịch sử văn học ở phổ thông.

2.2.2. Ngôn ngữ học ứng dụng

Chú trọng đào tạo theo định hướng ứng dụng nên nhóm ngành ngôn ngữ học ở Pháp phát triển mạnh mẽ ở hai phân ngành chính: ngôn ngữ học ứng dụng và ngôn ngữ học xã hội. Chương trình đào tạo gắn liền việc phát triển tri thức ngôn ngữ với thực hành và các phương diện xã hội học của nó. Các xu hướng phát triển nghề nghiệp của lĩnh vực ngôn ngữ được giới đại học quan tâm. Chẳng hạn, việc ứng dụng ngôn ngữ học cho các kỹ năng lập trình và ứng dụng công nghệ thông tin được tích hợp hầu hết trong các chương trình đào tạo. Những viễn cảnh của ngành cũng được đặt ra cho sinh viên để kích thích tính sáng tạo như việc thực hành viết các phần mềm học ngôn ngữ, phần mềm hỗ trợ người khuyết tật, các phần mềm tự động hóa trong học và sử dụng ngôn ngữ. Kiến thức ứng dụng luôn được hình thành dựa trên các khái niệm căn bản như khái niệm logic, âm vị học, ngữ điệu của một ngôn ngữ, phân đoạn đơn vị ngữ pháp, phân tích cú pháp, ngữ pháp hình thức, Sinh viên có thể chọn các đề tài ứng dụng cho mình như: tổng hợp lời nói, sản xuất mã thông điệp trong Ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản mở rộng (Extensible HyperText Markup Language - XHTML), mô hình văn phạm cấu trúc đoạn hướng trung tâm (Head-Driven Phrase Structure Grammar - HPSG), mô hình sử dụng, cài đặt ngôn ngữ (Perl, Prolog, Lisp...) để phân tích các ngôn ngữ tự nhiên.

Định hướng ứng dụng của ngành ngôn ngữ học còn được phát triển dựa trên chiến lược liên ngành. Kết hợp với nhóm ngành Ngôn ngữ, văn chương và văn minh nước ngoài và vùng (Langues, Littératures et Civilisations Etrangères et Régionales - LLCER), ngành ngôn ngữ học cũng phát triển ở hai xu hướng ứng dụng: xã hội học ngôn ngữ vùng và giảng dạy ngoại ngữ. Nhiều chương trình hữu ích được các sinh viên lựa chọn ở lĩnh vực ngôn ngữ vùng như: phân tích nguồn gốc, giả định xu thế, so sánh và xác định loại hình ngôn ngữ. Điểm nổi bật của các chương trình này là đặt sinh viên đối diện với một ngôn ngữ lạ để xử lý các tình huống khoa học. Ở đây, cá tính sáng tạo và rèn luyện kỹ năng nghiên cứu cái mới được đề cao hơn bao giờ hết.

Từ những năm 2000, giới đại học phát triển các định hướng ứng dụng cho ngành ngôn ngữ học dựa trên lý thuyết ngôn ngữ học tri nhận. Những thành quả của việc ứng dụng lý thuyết này cho dạy học ngoại ngữ là rất đáng ghi nhận. Từ năm 2006, kết quả nghiên cứu của các công trình trong dự án *Ngôn ngữ học tri nhận: các trào lưu hiện đại và viễn cảnh tương lai* (Cognitive Linguistics: Current Applications and Future Perspectives) thuộc chương trình xuất bản quốc gia dành cho các trường Đại học « Ứng dụng ngôn ngữ học tri nhận » (Applications of Cognitive Linguistics) đã được các chương trình đào tạo ngành ngôn ngữ học quan tâm. Kết quả

nghiên cứu và đào tạo trong các trường đại học ở lĩnh vực này có thể được ghi nhận trong việc hình thành và thực hành các khái niệm mới về phát ngôn được ứng dụng trong giảng dạy tiếng Anh, cách tiếp cận chức năng, khái niệm «tái cấu trúc văn bản bởi người đọc» trong giảng dạy ngoại ngữ, tính tự chủ ngôn ngữ của người nói, ...

2.2.3. Ngoại ngữ ứng dụng

Chương trình đào tạo nhóm ngành ngoại ngữ trong các trường Đại học ở Pháp được gọi là Ngoại ngữ ứng dụng (Langues étrangères appliquées - LEA). Tên gọi của nhóm ngành định hướng sản phẩm quá trình đào tạo và thực hành nghề nghiệp.

Nhóm ngành này được hình thành từ những năm 1970, một mặt, cấu trúc chương trình dựa trên định hướng ứng dụng trong thực tiễn xã hội (đối lập với việc giảng dạy ngoại ngữ hàn lâm trước đó), mặt khác, là nhu cầu phát triển quốc tế của các doanh nghiệp. Từ những năm 2000, nhóm ngành này phát triển mạnh mẽ nhờ vào nhu cầu lao động của quá trình quốc tế hóa kinh tế và chính trị. Con số 51 trường đại học đào tạo nhóm ngành này với 36.000 sinh viên năm 2002 đã tăng gấp đôi vào năm 2007 (Elizabeth Crosnier, 2002). Thông thường, các ngành thuộc nhóm ngành này thường đào tạo 2 đến 3 ngoại ngữ cho sinh viên. Việc lựa chọn các nhóm ngoại ngữ dựa trên tính tương đồng hệ ngữ hoặc nhu cầu của doanh nghiệp (Đại học Montpellier đào tạo ngành tiếng Anh với tiếng Đức, tiếng Anh với tiếng Tây Ban Nha và tiếng Ý, tiếng Trung với tiếng Nhật). Một số trường khác (tiêu biểu như Đại học Toulouse 2, Đại học Toulon, Đại học Strasbourg) lựa chọn những sinh viên đã bắt đầu 2 năm đầu với các chuyên ngành khác (công nghệ thông tin, quan hệ quốc tế, biên-phiên dịch). Các chương trình trao đổi sinh viên mà sinh viên có thể lựa chọn để thực hành và ứng dụng tri thức ở nước ngoài như chương trình Erasmus (Union européenne), ISEP (États-Unis), CREPUQ (Québec).

Nhóm ngành tuyển chọn những sinh viên có khả năng ngôn ngữ và thích khám phá ngoại ngữ, văn hóa và văn minh nước ngoài cũng như có khả năng và niềm đam mê các vấn đề kinh tế, xã hội, thương mại, luật quốc tế, các vấn đề liên quan đến doanh nghiệp, ... Bản thân sinh viên phải là những người hứng thú với các hoạt động xã hội, ham hiểu biết và khám phá các nền văn hóa khác với một tinh thần mở (ouvert d'esprit). Triền vọng nghề nghiệp của nhóm ngành, vì thế, là rất lớn. Họ có thể dần dần thâm vào các lĩnh vực như biên-phiên dịch thương mại, du lịch, truyền thông, ... Ngành cũng phát triển theo hướng ứng dụng tích hợp với các ngành như: cử nhân khách sạn – nhà hàng quốc tế (Licence Hôtellerie-Restauration Internationale), cử nhân kỹ thuật và truyền thông (Licence Activité et Techniques de Communication), cử nhân ngân hàng-bảo hiểm (Licence professionnelle Banque-Assurance).

Tính ứng dụng của nhóm ngành này được phát triển dựa trên nền tảng của việc xác định nhiệm vụ cung cấp kiến thức chuyên ngành và tạo lập kỹ năng tư duy bằng ngoại ngữ. Chương trình dựa trên việc rèn luyện kỹ năng căn bản như: các phương pháp tóm tắt, phân tích, lí giải và trình bày về một văn bản; các phương pháp suy luận về một văn bản; cách trích dẫn, kỹ năng tìm kiếm và tham khảo các tài liệu khoa học về chuyên ngành; kỹ năng xây dựng và tóm tắt một tiểu luận bằng ngoại ngữ, kiến thức về các phương pháp tổng quan để phân tích một văn bản. Những kỹ năng này được tích hợp trong các văn bản, tình huống của các định hướng nghề nghiệp được đề cập trên đây. Mặt khác, chương trình cũng đề cao tính liên văn hoá từ cuộc sống thường nhật đến lớp học ngoại ngữ. Túc hình thành các quá trình tự phạm phục vụ cho định hướng: học một ngoại ngữ để sử dụng như người bản ngữ trong môi trường nghề nghiệp và như người bản ngữ làm việc trong môi trường quốc tế.

2.2.4. Định hướng ứng dụng từ tính liên kết của các ngành trong nhóm ngành văn chương và khoa học nhân văn: văn học, ngôn ngữ học và ngoại ngữ

Giao điểm của các chuyên ngành đào tạo từ lâu được giới nghiên cứu chương trình bàn đến với mục đích xác định tính liên ngành và hình thành các môn học hỗ trợ, trang bị cho người học các kỹ năng nghề nghiệp mang tính mở. Tuy nhiên, tri thức căn bản luôn phải được xác định rõ để bảo đảm chương trình đào tạo không đi chệch quỹ đạo của chuyên ngành: liên đới giữa các ngành phải được xác định từ nguồn gốc tri thức chứ không phải từ định hướng ứng dụng. Đối với 3 chuyên ngành: văn học, ngôn ngữ và ngoại ngữ, tuy cùng một kiểu kiến thức, nhưng người xây dựng chương trình cần phân biệt được kiểu kiến thức này được sử dụng như là mục đích hay phương tiện dạy học. Lấy ví dụ tiêu biểu việc sử dụng các văn bản văn học trong giảng dạy ngoại ngữ và cứ liệu phân tích ngôn ngữ. Ta thấy, việc sử dụng các văn bản văn học làm phương tiện trong giảng dạy ngoại ngữ là một phương pháp truyền thống và phổ biến. Các mẫu hội thoại của thể loại kịch thường là tài liệu cho các lớp học ngoại ngữ theo phương pháp đóng vai (role-playing), các đoạn trích của các tác phẩm văn học kinh điển thường là tài liệu cho phần đọc hiểu (reading comprehension). Không thể phủ nhận lợi ích nhiều mặt của phương pháp này. Lựa chọn những đoạn trích văn học thích hợp không những mang lại hiệu năng trong việc rèn luyện ngôn ngữ mà còn trang bị cho người học các giá trị về văn hóa và văn học. Các công trình nghiên cứu đều khẳng định vai trò của văn học trong giảng dạy ngoại ngữ như: mở rộng tầm nhìn, nâng cao nhận thức văn hóa của người học, nhất là yếu tố ngữ nghĩa và văn hóa của ngôn ngữ; kích thích trí tưởng tượng và sáng tạo của người học thông qua các kiệt tác văn học. Chính vì thế, chúng ta dễ bị nhầm lẫn phương pháp giảng dạy

ngoại ngữ này với giảng dạy bộ môn văn học. Có một sự khác biệt khá rõ ràng đối với việc sử dụng các văn bản văn học: trong các lớp học ngoại ngữ thì văn bản văn học là công cụ, giáo viên sử dụng nó như một phương tiện để tiếp cận với đối tượng ngôn ngữ nhằm mục đích rèn luyện kỹ năng nghe – nói – đọc – viết; còn đối với bộ môn văn học ứng dụng: ngoại ngữ là công cụ, người dạy và người học sử dụng nó như là phương tiện để tiếp cận với đối tượng văn học nhằm mục đích thông hiểu các kiến thức về văn học và ứng dụng các phương pháp phê bình văn học. Không nên nhầm lẫn giữa phương tiện và đối tượng, cách thức và mục đích của mỗi môn học.

Ngoài ra, chúng ta cần xác lập ranh giới giữa các cấp độ: ngoại ngữ, chuyên ngành Ngôn ngữ học và phân môn Phong cách học. Việc am hiểu ngoại ngữ ở mức độ xác lập được các kiến thức về nó từ các phương diện khác nhau của ngôn ngữ học (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, phong cách ...) của người học là một mức độ lí tưởng. Tuy nhiên, không nên nhầm lẫn giữa tính ứng dụng của ngôn ngữ (học ngoại ngữ để sử dụng nó làm phương tiện) và tính bác học trong nghiên cứu ngôn ngữ học (nghiên cứu các phạm trù của ngôn ngữ học về một ngôn ngữ) trong xây dựng chương trình chuyên ngành văn học. Đối tượng của bộ môn không phải là các kiến thức ngôn ngữ học về ngoại ngữ. Trong việc giảng dạy và học tập các bộ môn chuyên ngành văn học, kiến thức về ngôn ngữ học đóng vai trò quan trọng (xét từ hai phương diện: đặc trưng của văn học là loại hình nghệ thuật ngôn từ và xu thế nghiên cứu liên ngành). Tuy nhiên, qua văn bản ngoại ngữ, những kiến thức về ngôn ngữ học ở đây phải được tập trung vào lĩnh vực Phong cách học (Stylistics) như: các phương tiện và biện pháp tu từ, đặc trưng và chức năng của tín hiệu ngôn ngữ, hệ thống các sự kiện phong cách, đặc trưng cấu trúc của văn bản nghệ thuật – các kiến thức có tính chất công cụ trong kiến giải văn bản nghệ thuật. Phong cách học được xem là “giao điểm” của hai chuyên ngành Ngôn ngữ học và Văn học.

2.3. Procamedic: nghiên cứu - ứng dụng và những đòi hỏi của giảng viên trong giảng dạy theo định hướng ứng dụng

Nghiên cứu ứng dụng dùng để chỉ các công trình được thực thi trong thực tế đời sống và hoạt động của doanh nghiệp với mục đích mang lại những tri thức và kết quả mới. Khác với nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng đặc biệt hướng đến mục đích thực hành. Tuy nhiên, định hướng nghiên cứu cơ bản cho quá trình ứng dụng là vấn đề mà các trường đại học cần quan tâm. Nhiều chương trình quốc gia của Pháp được triển khai để hướng nghiên cứu cơ bản về phía ứng dụng. Các tiêu chuẩn, kiểu hình để xác định một nghiên cứu cơ bản đã hướng đến ứng dụng hay chưa thường là:

- Mục tiêu nghiên cứu của dự án phải bao gồm phát triển nghiên cứu khoa học và giải quyết các vấn đề thực hành.

- Về mặt khái niệm: dự án liên quan nghiên cứu cơ bản, nhưng có thể đóng góp vào việc giải quyết một chuỗi các vấn đề thực hành.

- Nguồn nghiên cứu : dự án được thành lập trong tương tác với các chủ thể thực hành.

- Kiểu công bố kết quả: sản phẩm công bố thích hợp cho đơn vị đào tạo, viện nghiên cứu và doanh nghiệp.

- Người tham gia: các nhà nghiên cứu và các chủ thể thực hành.

Theo đó, một giảng viên đạt tiêu chuẩn dạy học theo định hướng ứng dụng phải tạo ra được mối liên kết giữa học thuật và ứng dụng, đảm bảo các kết quả nghiên cứu phải được đưa vào cuộc sống. Nó cho phép giảng viên phát triển và giữ được các mạng lưới học giả và doanh nghiệp mà mình có để mở rộng cơ hội hợp tác. Nhiều cơ hội cập nhật các xu hướng hay xác định viễn cảnh của dự án nghiên cứu đang thực hiện được hình thành thông qua các mạng lưới này. Mặt khác, giảng viên nghiên cứu ứng dụng là chủ thể tạo ra các kênh phát triển nguồn lực. Một khi các dự án có sự tham gia của các giảng viên trẻ và sinh viên thì nguồn lực cho doanh nghiệp sẽ được đáp ứng tốt nhất có thể. Đối với bản thân giảng viên, những va chạm trong nghiên cứu ứng dụng bên ngoài trường đại học là cứ liệu lý tưởng để tăng tính sinh động cho bài giảng.

Để chương trình gắn kết giữa nghiên cứu và ứng dụng thành công, chúng ta cần sự hỗ trợ về mặt chính sách từ chính phủ (chính sách về tài chính, thuế), trường đại học (dự án bên ngoài dành cho giảng viên) và doanh nghiệp (quan tâm đến nghiên cứu và phát triển – Recherche & Développement - R & D). Có nhiều chính sách thúc đẩy procamedic phát triển mạnh mẽ ở Pháp như: đầu tư nghiên cứu theo hình thức Labex (Laboratoire d'Excellence – Phòng

nghiên cứu Ưu tú), Prix de thèse (Giải thưởng luận án), Post-doc (Chương trình hậu tiến sĩ tại các doanh nghiệp)... Chiến lược R&D được chính phủ hỗ trợ tín dụng thuế cho người nghiên cứu (crédit impôt recherche) là đáng ghi nhận nhất. Theo đó, doanh nghiệp được hoàn trả thuế với các hoạt động R&D. Và khoản tài chính không lồ này là nguồn cho các dự án nghiên cứu ứng dụng giữa các trường đại học và doanh nghiệp.

3. Kết luận

Trường đại học hoạt động theo định hướng ứng dụng được hình thành dựa trên các nỗ lực xây dựng và tổ chức các tri thức nền tảng trong các trường (champs) thực hành. Tri thức nền tảng này được đóng góp bởi nghiên cứu khoa học, quá trình quan sát và phân tích các tình huống đào tạo và cung ứng nhân lực. Được cấu trúc dựa trên chức năng của các nguyên lý ngoài chuyên ngành, tính mở của tri thức, các chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng, một mặt, đóng góp quá trình tạo ra nguồn lao động đáp ứng được xu thế của xã hội, mặt khác, là điều kiện hình thành các chuyên ngành mới trong tương lai (disciplinarisation).

Trong bối cảnh ngành khoa học xã hội và nhân văn đang có nhiều khủng hoảng, giới đại học buộc phải thay đổi chiến lược đào tạo nhằm đáp ứng những yêu cầu khắc nghiệt của kinh tế và toàn cầu hóa. Các ngành nhân văn buộc phải bước ra khỏi tháp ngà và dấn thân trong đời sống hiện đại. Xu hướng các trường đại học vốn có thể mạnh về công nghệ và khoa học ứng dụng ở Pháp đầu tư cho các ngành nhân văn theo định hướng ứng dụng hoặc nhân văn kỹ thuật số (humanités numériques) đang dần dần chiếm ưu thế so với các trường vốn có truyền thống về đào tạo các ngành văn chương và khoa học nhân văn. Đây là một thực tế buộc giới xây dựng chương trình đào tạo phải thay đổi để theo kịp xu thế của xã hội đương đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Byram, M. (1997). *Teaching and assessing intercultural communicative competence*. UK, Clevedon: Multilingual Matters LTD.
2. Elizabeth Crosnier, « De la contradiction dans la formation en anglais Langue Étrangère Appliquée (LEA) », *Revue du Groupe d'étude et de recherche en anglais de spécialité*, 2002, p. 35-36
3. Gauthier C. et al. (1997). *Pour une théorie de la pédagogie, Recherches contemporaines sur le savoir des enseignants*. Québec: Les Presses de l'Université Laval.
4. Lessard C. (2002). *Le groupe Holmes: sa vision de l'enseignement et de la formation à l'enseignement*. Politique d'éducation et de formation, analyses et comparaisons internationales.
5. Paquay, M. Altet, E. Charlier, Ph. Perrenoud (Eds), *Former des enseignants professionnels, Quelles stratégies? Quelles compétences?*, Bruxelles, Ed. De Boeck, 1998.
6. Shulman L.S. (1987). *Knowledge and Teaching. Foundations of the New Reform*. Harvard Educational Review, 57 (1), p. 1-22.

THE APPLIED TRAINING IN SOME UNIVERSITIES IN FRANCE: THE CASE OF LETTERS AND HUMAN SCIENCES SECTOR

Nguyen Quoc Thang

Van Lang University

Abstract: *From the analysis of the origin and basis of fundamental knowledge of applied training in some universities in France, this study presents the features of letters and human sciences sector. Interdisciplinaryity and ideas as well as faculty requirements in applied-orientation teaching are clarified through a field survey of some training programs and policy education in France. Creating useful links between research, training and practice is an urgent requirement for applied-orientation, especially for the letters and human sciences sector in the current context.*

Keywords: *universities of applied sciences, letters and human sciences sector, fundamental knowledge, interdisciplinary, proacademic.*